



ĐOÀN KẾT CDC CÔNG ĐỒNG

SỞ Y TẾ TỈNH KON TUM  
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT  
CENTER FOR DISEASE CONTROL  
IN KON TUM PROVINCE

405 Bà Triệu- TP. Kon Tum- tỉnh Kon Tum

Điện thoại: 0260 3 500470

E-mail: xn.cdc.kontum@gmail.com



H2 Lưu giữ  
Photo: - K. Dás  
- Hoa nghiên: Thiên  
[Signature]

PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM  
ANALYSIS REPORT

Số hồ sơ: 106.21

Tên khách hàng/Name of the customer: Công ty Cổ phần cấp nước Kon Tum  
Địa chỉ/Address of customer: 182 Trần Phú- P. Trường Chinh- Tp. Kon Tum- tỉnh Kon Tum  
Ngày nhận mẫu/Date of receipt: 06/12/2021  
Ngày thử nghiệm/Date of analysis: 06/12/2021  
Tình trạng mẫu/Sample status: Mẫu đựng trong chai thủy tinh, khách hàng tự mang đến

TT/ No.	Tên hàng hóa/ Name of goods	Số lượng/ Amount	Ngày sản xuất/ Production date	Số nhận diện/ Identification number
01	Nước máy (Bể chứa sau xử lý)	1.000 ml	/	HV2/21.232
02	Nước máy (447 Trần Khánh Dư)	1.000 ml	/	HV2/21.233
03	Nước máy (56 Nguyễn Trường Tộ)	1.000 ml	/	HV2/21.234
Kết quả/Results:		Xem trang sau/See next page		

Kon Tum, ngày 13 tháng 12 năm 2021

Nơi nhận:  
- Nơi gửi mẫu;  
- Lưu: XN.

TRƯỞNG KHOA

GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC

[Signature]

Đặng Văn Sơn



Nguyễn Thị Vân

Lưu ý:

- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Kon Tum. Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm.
- Cam kết kết quả này đảm bảo tính khách quan, công bằng, bảo mật cho khách hàng và mẫu xét nghiệm.

BM: 2-7.8-1

Lần/ngày ban hành: 03.12/04/19





## KẾT QUẢ/RESULTS

Số nhận diện/Identification number: HV2/21.232

TT/ No.	Chỉ tiêu phân tích/ Specifications	Đơn vị/ Unit	Phương pháp/ Methods	Tiêu chuẩn cho phép/ Maximum level standard	Kết quả/ Results
01	Coliforms	CFU/100ml	TCVN 6187-1:2009	<3	KPH
02	E.coli	CFU/100ml	TCVN 6187-1:2009	<1	KPH
03	pH		TCVN 6492:2011	6,0- 8,5	6,79
04	Độ đục	NTU	SMEWW 2130B:2017	2,0	<1,0
05	Clo dư	mg/L	SMEWW 2350 B: 2017	0,2- 1,0	0,35
06	Màu sắc (*)	TCU	SMEWW 2120 B: 2017	15	<3,0
07	Mùi vị (*)		TCVN 2653:1978	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ

## KẾT QUẢ/RESULTS

Số nhận diện/Identification number: HV2/21.233

TT/ No.	Chỉ tiêu phân tích/ Specifications	Đơn vị/ Unit	Phương pháp/ Methods	Tiêu chuẩn cho phép/ Maximum level standard	Kết quả/ Results
01	Coliforms	CFU/100ml	TCVN 6187-1:2009	<3	KPH
02	E.coli	CFU/100ml	TCVN 6187-1:2009	<1	KPH
03	pH	/	TCVN 6492:2011	6,0- 8,5	6.57
04	Độ đục	NTU	SMEWW 2130B:2017	2,0	<1,0
05	Clo dư	mg/L	SMEWW 2350 B: 2017	0,2- 1,0	0,35
06	Màu sắc (*)	TCU	SMEWW 2120 B: 2017	15	<3,0
07	Mùi vị (*)	/	TCVN 2653:1978	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ

### Ghi chú:

- KPH: Không phát hiện
- Coliforms, E.coli KPH tương ứng với giá trị < 1,0 CFU/100 ml
- (\*) Chưa đăng ký công nhận ISO 17025: 2017



## KẾT QUẢ/RESULTS

Số nhận diện/Identification number: HV2/21.234



TT/ No.	Chỉ tiêu phân tích/ Specifications	Đơn vị/ Unit	Phương pháp/ Methods	Tiêu chuẩn cho phép/ Maximum level standard	Kết quả/ Results
01	Coliforms	CFU/100ml	TCVN 6187-1:2009	<3	4,0x10 <sup>1</sup>
02	E.coli	CFU/100ml	TCVN 6187-1:2009	<1	KPH
03	pH	/	TCVN 6492:2011	6,0- 8,5	6,58
04	Độ đục	NTU	SMEWW 2130B:2017	2,0	<1,0
05	Clo dư	mg/L	SMEWW 2350 B: 2017	0,2- 1,0	0,35
06	Màu sắc (*)	CTU	SMEWW 2120 B: 2017	15	<3,0
07	Mùi vị (*)	/	TCVN 2653:1978	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ

**Ghi chú:**

- KPH: Không phát hiện
- Coliforms, E.coli KPH tương ứng với giá trị < 1,0 CFU/100 ml
- (\*) Chưa đăng ký công nhận ISO 17025: 2017



